DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3011 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *13* ***tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Bộ phận Thử nghiệm - Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 tại Đắk Lắk**
Laboratory:	***Testing Division - Branch of Quality Assurance and Testing Center 3 in Dak Lak***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lượng Chất lượng 3**
Organization:	***Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3)***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 004**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa, sinh**
Field:	***Chemical, Biological***
Người quản lý:	**Nguyễn Hữu Trung**
Laboratory manager:	**Nguyen Huu Trung**
Hiệu lực công nhận *Period of Validation:*	**Kể từ ngày** *13* **/10/2026 đến ngày 08/8/2030**
Địa chỉ: *Address*:	**49 Pasteur, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh** ***49 Pasteur, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm: *Location:*	**Khối 8, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk** ***Block 8, Tan An Ward, Dak Lak Province***
Điện thoại/ *Tel*:	**(84-28) 3829 4274**
Email:	**hanhchinhxmsl@vissaigroup.com.vn**
Website:	**www.quatest3.com.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch,** ***Domestic water***	Xác định độ màu Phương pháp UV/Vis *Determination of Color* *UV/Vis method*	10 Pt. Co	SMEWW 2120C:2023
2.		Xác định độ pH (x) *Determination of pH value*	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
3.		Xác định độ đục *Determination of Turbidity*	(1 ~ 400) NTU	TCVN 12402-1:2020
4.		Xác định hàm lượng asen (As) Phương pháp HG-AAS *Determination of arsenic content* *HG-AAS method*	0,001 mg/L	SMEWW 3114B:2023
5.		Xác định chỉ số permanganate *Determination of Permanganate index*	1,5 mg/L	TCVN 6186:1996
6.		Xác định hàm lượng amoni (NH_4^+/NH_3) (tính theo N) Phương pháp IC *Determination of Ammonium (NH_4^+/NH_3 as N) content* *IC method*	0,3 mgN/L	TCVN 6660:2000
7.		Xác định hàm lượng amoni (NH_4^+/NH_3) (tính theo N) Phương pháp UV/Vis *Determination of Ammonium (NH_4^+/NH_3 as N) content* *UV/Vis method*	0,3 mgN/L	QUATEST 3 1342: 2026
8.		Xác định hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) Phương pháp UV/Vis *Determination of free Chlorine content* *UV/Vis method*	0,1 mg/L	TCVN 6225-2:2021

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
9.	**Nước sạch,** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng clo dư tự do (Cl_2) (x) Phương pháp UV/Vis *Determination of free Chlorine content* *UV/Vis method*	0,1 mg/L	TCVN 6225-2:2021
10.	**Quả** ***Fruits***	Xác định hàm lượng Auramin O Phương pháp LC-MS/MS *Determination of Auramine O* *LC-MS/MS method*	1,5 µg/kg	QUATEST3 1332:2026
11.	**Rau, củ, quả và các bộ phận thực vật** ***Vegetables, roots, fruits and other plant parts***	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp GF-AAS *Determination of Cadmium content* *AAS - GF method*	0,03 mg/kg	QUATEST3 1340:2026

Ghi chú / Notes:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnam National standard*
- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế/ *International Organization for Standardization*
- QUATEST3…: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- (x): Chỉ tiêu thử có thực hiện ở hiện trường/ *Onsite tests*

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch,** ***Domestic water***	Định lượng Coliforms *Enumeration of total Coliforms*		ISO 9308–1:2014 / Amd.1:2016
2.		Định lượng *Escherichia coli* *Enumeration of Escherichia coli*		ISO 9308–1:2014 / Amd.1:2016

Ghi chú / Notes:

- ISO: Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế/ *International Organization for Standardization*

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lượng Chất lượng 3 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lượng Chất lượng 3 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Quality Assurance and Testing Center 3 (QUATEST 3) that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*